

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 42/2022/DS-GĐT
Ngày 27-9-2022
V/v tranh chấp đòi lại di sản thừa kế
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Du - Thẩm phán, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: Ông Trần Hồng Hà;

Bà Đào Thị Minh Thủy;

Ông Nguyễn Văn Thuân;

Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế quyền sử dụng đất” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mạch Thị Thanh C, Sinh năm 1942; địa chỉ: 9-11 Rue Friant 75014, P 14 - F.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang K, sinh năm 1950; cư trú tại: Số B11-23 Chung cư 1050, số 03 PCT, Phường 12, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 23/5/2018).

- *Bị đơn:* Bà Mạch Thị Thanh N, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 80C đường TP, Khóm 3, Phường 2, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Trường T, sinh năm 1961; cư trú tại: Số 58C đường HV, phường TB, quận NK, thành phố Cần Thơ (Giấy ủy quyền ngày 05/3/2018).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mạch Phước S, sinh năm 1937; địa chỉ: Số 91 Residence Le Bois Du Cerf 91450 Etiolle F.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Ông Nguyễn Quang K, sinh năm 1950; cư trú tại: B11-23 Chung cư 1050, số 03 PCT, Phường 12, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 23/5/2018).

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958;

3. Chị Nguyễn Mạch Thanh X, sinh năm 1993;

Cùng cư trú tại: Số 80C đường TP, Khóm 3, Phường 2, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H và chị X: Ông Nguyễn Trường T, sinh năm 1961; cư trú tại: Số 58C đường HV, phường TB, quận NK, thành phố Cần Thơ (Giấy ủy quyền ngày 01/10/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Mạch Thị Thanh C do ông Nguyễn Quang K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cụ Mạch D và cụ Nguyễn Phước Công Tôn Nữ Thanh T1 chết cùng ngày 23/6/1980. Cụ D và cụ T1 có 03 người con là ông Mạch Phước T2 (đã mất liên lạc từ nhỏ), ông Mạch Phước S (đang sinh sống tại Pháp) và bà Mạch Thị Thanh C.

Lúc còn sống, cụ D và cụ T1 tạo lập một thửa đất diện tích 1.500m² gắn liền với căn nhà số 62 đường ĐBP, Khóm 3, Phường 2, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh. Năm 1975, cụ D và cụ T1 sang Pháp điều trị bệnh. Ngày 04/10/1977, tại Pháp cụ D làm giấy ủy quyền cho cụ Nguyễn Thị T3 (chị dâu của cụ D), bà Mạch Thoại H1 (cháu ruột cụ D) và cháu là bà Huỳnh Mỹ H2 ở trông coi nhà đất nêu trên, không được sang nhượng và cho người khác ở trừ con cháu họ Mạch. Ngày 08/11/1977, cũng tại Pháp, cụ D và cụ T1 lập “Tờ lập hương hỏa” cũng với nội dung giao cho cụ T3, bà H1 và bà H2 cai quản nhà đất nêu trên và thửa đất diện tích 1.500m² tại đường CP, ĐT nay là đường KTN, Phường 7, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh; không được cầm cố, thế chấp, mua bán, đổi, chia và cũng không ai có quyền tịch thu hai nhà đất trên; cụ T3, bà H1, bà H2 cùng con cháu được trọn quyền ở, lo gìn giữ sửa chữa, bồi bổ làm các việc cho ngôi nhà được tốt đẹp và không có quyền cho bất cứ một người xa lạ không phải thân quyến họ hàng của các cụ vào ở trong nhà hương hỏa.

Trong thời gian quản lý sử dụng nhà đất, cụ T3, bà H1 đã đăng ký, kê khai nhà đất nêu trên, cụ thể năm 1983 cụ T3 đăng ký sổ bộ thuộc thửa 466, diện tích 1.443m²; năm 1991, bà H1 đăng ký sổ bộ thuộc thửa 899, diện tích 1.529m²; năm 1998 bà H1 đăng ký sổ bộ thuộc thửa 120 diện tích 1.167,5m². Diện tích nhà đất năm 1998 bị giảm so với năm 1991 là do bà H1 tự ý tách ra một phần thửa đất cho cháu ruột là bà Mạch Thị Thanh N sử dụng 101,2m² thuộc thửa số 123, tờ bản đồ số 9. Việc bà H1 định đoạt cho bà N là trái với ý chí của cụ D, cụ T1.

Bà C khởi kiện yêu cầu bà N phải trả lại diện tích đất 101,2m² nêu trên.

Bị đơn là bà Mạch Thị Thanh N do ông Nguyễn Trường T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà N là cháu của cụ D (bà N gọi cụ D là ông chú), được cụ D cho ở chung căn nhà số 62 đường ĐBP. Năm 1975, gia đình cụ D sang Pháp sinh sống và chết ở Pháp. Gia đình bà N tiếp tục sinh sống tại căn nhà số 62 đường ĐBP và giữ gìn căn nhà này.

Năm 1991, bà N có viết thư sang Pháp cho bà C xin một phần đất để cất nhà ở, bà C đồng ý nên mới tách bộ đăng ký quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng diện tích 101,2m² tọa lạc tại số 80C đường TP, Khóm 2, Phường 2, thành phố TV và đã được cấp quyền sở hữu, nên bà N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Mạch Phước S do ông Nguyễn Quang K là người đại diện có lời trình bày thống nhất với lời trình bày của bà C.

- Ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Mạch Thanh X cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Trường T giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 23/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mạch Thị Thanh C.

1. Buộc bà Mạch Thị Thanh N, ông Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Mạch Thanh X có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Mạch Thị Thanh C (đại diện cho các thừa kế của cụ Mạch D và cụ Nguyễn Phước Công Tôn Nữ Thanh T1) nhận giá trị của thửa đất số 123 diện tích 101,2m² bằng 708.400.000 đồng.

2. Bà Mạch Thị Thanh N, ông Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Mạch Thanh X được tiếp tục sử dụng thửa đất số 123 diện tích 101,2m², tờ bản đồ số 9, tọa lạc số 80C đường TP, Khóm 3, Phường 2, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 05/8/2019, ông Nguyễn Quang K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Mạch Thị Thanh C kháng cáo Bản án sơ thẩm.

Ngày 25/7/2019, bà Mạch Thị Thanh N là bị đơn kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 194/2020/DS-PT ngày 24/6/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Mạch Thị Thanh C; chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Mạch Thị Thanh N; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mạch Thị Thanh C về việc buộc bà Mạch Thị Thanh N, ông Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Mạch Thanh X phải trả lại thửa số 123, diện tích 101,2m², tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Phường 2, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, thuộc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 10/7/2000 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Mạch Thị Thanh N.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí; chi phí thẩm định, định giá và nghĩa vụ do chậm thi hành án.

Sau khi xét xử phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mạch Phước S có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/QĐ-VKS-DS ngày 15/7/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 194/2020/DS-PT ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vợ chồng cụ D, cụ T là chủ sử dụng, sở hữu hợp pháp đối với nhà trên diện tích đất khoảng 1.500m² tại 62 đường ĐBP, Khóm 3, Phường 2, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh. Năm 1977, vợ chồng cụ D lập “Tờ lập hương hỏa” giao lại cho cụ T2, bà H1, bà H2 được trọn quyền cai quản và coi sóc hưởng hoa lợi, cắm càm cổ, thế chấp, mua bán, đổi, chia bất động sản và cũng không ai có quyền tịch thu hai thửa đất này; ba người này cùng con cháu được trọn quyền ở, lo gìn giữ sửa chữa, bồi bổ làm các việc cho ngôi nhà được tốt đẹp và không có quyền cho bất cứ một người xa lạ không phải thân quyến họ hàng của các cụ vào ở trong nhà hương hỏa.

[2] Năm 1983, cụ T1 đăng ký sổ bộ phần đất nêu trên thuộc thửa số 466, diện tích 1.443m². Năm 1991, bà H1 đăng ký sổ bộ phần đất này thuộc thửa số 899, diện tích 1.529m². Đến năm 1998, bà H1 tách cho bà N sử dụng phần đất diện tích 101,2m² thuộc thửa số 123, tờ bản đồ số 9; phần diện tích 1.167,5m² còn lại do bà H1 đăng ký thuộc thửa số 120. Ngày 10/7/2000, bà N được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 101,2m² và bà N đã xây nhà trên đất. Ngày 17/9/2010, bà H1 được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.167,5m². Theo Công văn số 40/CNTT-DL< ngày 03/12/2018, Trung tâm

công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cho biết thửa đất bà N đang quản lý, sử dụng là một phần đất do cụ D, cụ T1 đăng ký trước năm 1975. Do đó, có căn cứ khẳng định phần đất bà N đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc là của cụ D.

[3] Ngày 01/01/2015, bà C khởi kiện đòi diện tích đất 1.167,5m² đối với bị đơn là bà H1, bà H2 và 16 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 204/2016/DS-PT ngày 30/8/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã công nhận sự thỏa thuận giữa bà C với bà H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, theo đó bà H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại phần đất diện tích 1.167,5m² trên có nhà của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho bà C; bà C trả lại giá trị tài sản trên đất và hỗ trợ tiền di dời tài sản, công quản lý di sản cho bà H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng cộng là 8.100.000.000 đồng.

[4] Ngày 01/4/2018, bà C khởi kiện yêu cầu bà N trả phần đất bà N đang quản lý sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà N không có tài liệu, chứng cứ chứng minh được bà C cho một nền nhà, nhưng do bà N hiện không có chỗ ở nào khác và có công giữ đất, nên đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C theo hướng bà C bồi hoàn cho bà N giá trị công sức bằng 1/3 diện tích đất, buộc bà N trả bà C 2/3 diện tích đất tính theo giá trị là 708.400.000 đồng. Còn Tòa án cấp phúc thẩm nhận định bà N đã cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm một lá thư có nội dung bà C cho bà N một nền nhà để ở; bà C xác nhận ngày 26/11/1991, bà có viết thư về Việt Nam có nội dung đồng ý cho vợ chồng bà N một nền nhà, có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp; do đó, bà N mới làm thủ tục tách bộ đăng ký quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng diện tích 101,2m² đất tại 80C đường TP và được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, có căn cứ xác định bà C đã tự nguyện tặng cho bà N 101,2m² đất. Như vậy, việc bà C tặng cho bà N 101,2m² đất nêu trên đã được hai bên thực hiện xong, có hiệu lực theo quy định tại Điều 167 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 95 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

[5] Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS-DS ngày 15/7/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho rằng phần đất bà C tặng cho đối với bà N là tài sản chung của bà C, ông T2, ông S, nên việc bà C tặng cho bà N là vi phạm quyền lợi của ông S. Tuy nhiên, di sản của cụ D, cụ T1 để lại cho bà C, ông T2, ông S là thửa đất tại 62 ĐBP với tổng diện tích đất là 1.167,5m² và 101,2m² bà N đang sử dụng, nên việc bà C tặng cho bà N 101,2m² không vượt quá kỷ phần của bà C. Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho rằng bà C không có quyền định đoạt 101,2m² đất là chưa chính xác. Hơn nữa, cụ D, cụ T1 lập “Tờ lập hương hỏa” cũng cho phép con cháu được vào ở, nên việc bà N vào ở trên phần đất của cụ D, cụ T1 cũng không vi phạm ý chí của cụ D, cụ T1. Tòa án cấp phúc thẩm đã xử bác yêu cầu của bà C là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở

chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 1 Điều 343 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/QĐ-VKS-DS ngày 15/7/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 194/2020/DS-PT ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H về vụ án “Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là bà Mạch Thị Thanh C với bị đơn là bà Mạch Thị Thanh N và 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- Vụ 9 VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Thành phố H;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Trung tâm Tư liệu – Thư viện TANDTC;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Vụ Tổng hợp TANDTC (kèm hồ sơ vụ án);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Lưu: VP, PCA phụ trách, Vụ GDKT II TANDTC (2 bản), Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Du